

Bản án số: 219 /2024/ DS-ST
Ngày: 22 - 7 -2024
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
2. Ông **BÙI VĂN MÀU**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên*
tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219A /2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967.
Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1967
Cùng địa chỉ: ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Bà A có mặt; ông K, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị A tại đơn khởi kiện trình bày:* Bà tham gia các dây hụi do bà T, ông K làm đầu thảo cụ thể sau:

+ **Dây 1:** Hụi mùa khui vụ đông xuân năm 2021, hụi 5.000.000đồng, 03 tháng khui 1 lần, gồm 17 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là “ 2 lúa(Hiếu)”, đã đóng hụi được 12 kỳ, số tiền là 60.000.000đồng thì bẻ hụi.

+ **Dây 2:** Hụi tháng khui ngày 17/01/2022 âm lịch, hụi 2.000.000đồng, 03 tháng khui 1 lần, gồm 17 phần, bà tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là “Hải(anh vợ Hiếu)”, đã đóng hụi 15 kỳ số tiền là 60.000.000đồng thì bẻ hụi.

Bà yêu cầu bà T, ông K trả bà 120.000.000đồng tiền hối.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà A yêu cầu bà T, ông K trả 80.000.000 đồng tiền hối làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thừa nhận bà A có tham gia 02 dây hối do bà tổ chức như bà A khởi kiện. Bà xin trả tiền vốn là 70.000.000đồng, 03 tháng trả 2.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, T đồng ý trả bà A 80.000.000 đồng tiền hối, 03 tháng trả 2.000.000 đồng. Trách nhiệm trả nợ là của cá nhân bà, bà tổ chức chơi hối để có tiền trang trải sinh hoạt gia đình.

- Bị đơn ông Lê Văn K không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, đương sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà Mỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hối. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp hối theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết Tộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà A chỉ yêu cầu bà T, ông K trả 80.000.000đồng tiền hối. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.4] Sự vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận bà A có tham gia chơi 02 dây hối do bà làm đầu thảo, các dây hối bị ngưng giữa chừng và bà còn thiếu bà A 80.000.000đồng tiền vốn hối bà A đã đóng như yêu

cầu khởi kiện của bà A. Lời thừa nhận của bà T là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, bà T tổ chức chơi hụi tại địa phương nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ của người đầu thảo, khi bề hụi bà không trả lại tiền hụi cho hụi viên đã gây thiệt hại quyền lợi của hụi viên, trong vụ án này là bà A. Nên việc bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T trả số tiền vốn hụi đã đóng là có cơ sở. Việc bà T cho rằng việc tổ chức chơi hụi là cá nhân bà, ông K không biết là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bản thân bà cũng thừa nhận số tiền hoa hồng hàng tháng từ việc chơi hụi dùng để phục vụ cho cuộc sống chung gia đình. Mặc khác, ông K đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hoà giải, xét xử, không có lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Đây là ông tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi thì ông tự gánh chịu. Đối với yêu cầu trả dần của bà T không được bà A chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, các bên có quyền thỏa Tận ở giai đoạn thi hành án. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà T và ông K phải trả cho bà A 80.000.000 đồng tiền hụi là có cơ sở pháp luật.

[3]. Án phí: Bà T, ông K phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn K phải trả cho bà Trần Thị A 80.000.000 đồng tiền nợ hụi.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn K phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị A 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên 1A T số 0015150 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Bà A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông K, bà T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH